

NGHỀ LÀM GIẤY SẮC PHONG - MỘT DI SẢN VĂN HOÁ ĐẶC SẮC CỦA HÀ NỘI

BÙI THANH THUY

Tóm tắt

Dưới xã hội phong kiến Việt Nam trước kia, giấy sắc là một loại giấy đặc biệt để triều đình dùng viết sắc phong công, phong thần cho bách quan, bách thần. Phải khẳng định rằng giấy sắc là một sản phẩm kết tinh của thành tựu kỹ thuật cổ truyền, phương pháp thủ công tinh xảo và óc thẩm mỹ, sáng tạo của nghệ nhân và nghề làm giấy sắc là một nghề quý, có một không hai, cần được gìn giữ và tôn vinh.

Nghề làm giấy sắc là một nghề gia truyền của dòng họ Lại, thôn Trung Nha, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tương truyền do làng chuyên sản xuất loại giấy viết các sắc phong của triều đình nên phải bảo đảm chất lượng, do đó quy trình sản xuất phức tạp hơn, phải “nghề” tức đập cho giấy bóng, đánh, bền và mịn mặt. Vì vậy giấy đó gọi là giấy “Nghề”, theo đó mà làng Trung Nha trước đây còn có tên nôm là làng Nghè.

Trước năm 1942 làng này thuộc đất xã Nghĩa Đô tổng Dịch Vọng, Phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông. Đầu năm 1945 thuộc xã Thái Đô, quận 5 ngoại thành Hà Nội. Năm 1961 là xã Nghĩa Đô thuộc huyện Từ Liêm và từ năm 1997 đến nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Chi họ Lại ở thôn Trung Nha thuộc dòng họ Lại ở Việt Nam là người Kinh vốn gốc xứ Thanh Hoá. Dòng họ này nay đã tìm thấy 200 chi họ cư trú khắp đất nước. Qua các triều đại, đã liệt kê được toàn họ Lại có 37 người được vua ban tước, trong đó có 18 quận công, 7 tiến sĩ.

Còn ở Hà Nội, ngoài chi họ Lại ở Nghĩa Đô, còn có các chi khác ở Cổ Loa, ở Ngải Cầu, ở Vân Trì và Vân Nội.

Các tổ tại Nghĩa Đô vốn là con của cụ tổ Lại Thế Giáp, con rể Chúa Trịnh Tráng. Kể từ cụ Tổ Lại Thế Giáp đến nay, họ Lại ở Nghĩa Đô đã có 20 đời.

Giấy sắc là loại giấy đặc biệt, được nhà vua chuyên dùng để viết sắc phong cho các di tích đình, đền, cũng như các cá nhân, dòng họ có công với triều đình và quốc gia.

Giấy sắc có nhiều khổ to nhỏ khác nhau, rộng nhất là 2m x 0,75m, nhỏ nhất là 1,30m x 0,52m, màu vàng (có màu vàng đồng và da thị). Mặt trước vẽ rồng, mây (rồng vẽ cũng tùy theo thứ cấp phong công, phong thần mà vẽ hai hoặc ba, bốn con). Xung quanh tờ

giấy viên truyền chỉ hay đóng triện tiền. Mặt sau vẽ Tứ linh (Long, Ly, Quy, Phượng) với bầu rượu, cuốn thư. Chất liệu vẽ bằng vàng, bạc nguyên chất.

Giấy sắc có sức chịu đựng lâu dài, có thể tới ba, bốn trăm năm nếu bảo quản tốt, tờ giấy đàn mà mềm, không hút ẩm, không giòn dai, khó xé thành các mảnh nhỏ và rất ăn mực khi viết, vẽ.

Thực ra nghề làm giấy sắc có từ bao giờ, cho đến nay các nhà khoa học vẫn chưa giải đáp được một cách chính xác.

Vài chục năm nay, dựa vào sách *Nam phương thảo mộc trạng*, coi là của Kê Hàm đời Tấn soạn năm 304, hầu hết các nhà nghiên cứu Việt Nam cho rằng từ thế kỷ thứ III, Việt Nam đã sản xuất ra loại giấy làm bằng gỗ cây mật hương mà năm Tân Thái Khang thứ 5 (284) sứ thần Đại Tần (La Mã) đã mua và dâng vua Tấn Vũ Đế 3 vạn tờ

Loại cây mật hương đó chính là cây trầm hương. Và như vậy Việt Nam đã làm ra giấy muộn nhất là từ thế kỷ thứ III.

Gần đây tại “Hội nghị Việt Nam học” lần thứ nhất diễn ra tại Hà Nội từ ngày 15 đến 17 -7-1998, Tiến sĩ J.P Drege (người Pháp) trong tham luận “Những ghi chép về nghề làm giấy ở Việt Nam qua thư tịch cổ Trung Hoa” có cho biết giới nghiên cứu ở Trung Quốc nghi ngờ điều ghi chép đó. Song chính ông Drege lại dẫn sách *Thập di ký* của Vương Gia (thế kỷ IV) cho biết cũng đời vua Tấn Vũ Đế có viên quan Trương Hoa được vua ban cho một vạn tờ giấy *Trắc lý chỉ* (giấy gân nghiêng làm bằng rong biển) đến từ Việt Nam.

Như vậy thì từ thế kỷ thứ III cũng đã thấy có giấy của Việt Nam. Đó là nguồn tư liệu nước ngoài.

Còn nguồn tư liệu trong nước thì *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là từ thời vua Lý Cao Tông (1176 - 1210) trong các cống vật gửi sang Trung Quốc, bên cạnh ngà voi, sừng tê, vàng, lụa còn có cả giấy tốt. Căn cứ vào những chi tiết này có thể nhận định rằng kỹ thuật sản xuất giấy của Việt Nam đã ở trình độ cao ít nhất cũng là từ thế kỷ XII trở lại đây, tức là nghề giấy có lịch sử khoảng tám, chín trăm năm.

Về những cơ sở làm giấy, Lê Quý Đôn trong các sách *Vân đài loại ngữ* và *Phủ biên tạp lục* đã ghi chép nhiều về các vùng làm giấy, trong đó có các vùng ngoại thành phía tây Thăng Long. Đó là cụm Cầu Giấy – Bưởi.

Nghề giấy ở làng Nghè, Nghĩa Đô, Cầu Giấy đã được ghi lại trong gia phả khá rõ ràng là có từ thời Lê Trịnh (Chúa Trịnh Tráng). Thế nhưng cũng từ rất lâu, các làng có nghề làm giấy ven Hồ Tây trong đó có làng Nghè vẫn truyền tụng câu chuyện kể rằng nghề này do cụ Thái Luân bên Tàu sang đây truyền dạy. Nơi ông truyền nghề đầu tiên

không phải là vùng Kẻ Bưởi mà là vùng Kẻ Cót. Nguyên ban đầu ông đến làng Thượng Yên Quyết dạy nghề này cho dân. Nhưng ở làng này có người cư xử không phải với ông, khiến ông không vừa lòng, nên ông chỉ dạy cho dân ở đây cách dùng những đầu mẩu vỏ dó làm ra loại giấy thô gọi là giấy xẻ. Sau đó ông sang vùng ven Hồ Tây tới Hồ Khẩu dạy cho dân làm *giấy bản*, sang Đông Xã dạy cho dân làm *giấy quỳ*, một loại giấy vừa mỏng vừa dai (để quỳ vàng), sau đó ông sang Yên Thái dạy cách làm giấy lệnh để triều đình viết lệnh chỉ. Cuối cùng ông sang Trung Nha (làng Nghè) dạy cho người họ Lại cách làm giấy sắc để triều đình dùng viết bằng sắc. Ngoài ra các loại giấy xấu như giấy moi, giấy phèn, giấy bồi thì ở đâu cũng làm được. Câu chuyện này truyền miệng từ đời này sang đời kia có lẽ đã phản ánh một thực tế là có sự phân công lao động giữa các làng, để đỡ sự cạnh tranh mà lại có thể tập trung thời gian, hoàn cảnh, đi sâu vào chuyên môn kỹ thuật. Nhưng dù sao cho tới nay bên cạnh cái giếng cổ ở sát cạnh chợ Bưởi vẫn còn cái miếu thờ ông tổ Thái Luân mà trước đây hàng năm đến ngày 16 tháng 3 âm lịch các làng phường giấy đều tổ chức giỗ tổ.

Theo gia phả của dòng họ Lại, giấy sắc là sản phẩm độc quyền của họ Lại ở Nghĩa Đô. Các tổ ở Nghĩa Đô vốn là con cụ tổ Lại Thế Giáp. Tổ Thế Giáp lấy con gái của chúa Trịnh Tráng, tên là Phi Diễm Châu, hiệu Từ An. Bảy giờ thấy họ nhà chồng nghèo, Phi Diễm Châu đã tâu xin chúa Cha và vua Lê cho họ Lại làm giấy sắc, chuyên cung cấp cho triều đình. Chính cụ Lại Thế Giáp cùng con cháu là những người sáng nghiệp làm giấy sắc cho nhà vua. Nhà vua đã ban cho họ độc quyền làm giấy sắc vàng và ban cho tên gọi họ Kim Tiên. Theo thế phả qua các triều đại Lê Trịnh, Tây Sơn và triều Nguyễn, họ Lại ở Nghĩa Đô liên tục nối tiếp giữ chức Ngự Dung Giám Kim Tiên Cục (quản lý nghề làm giấy sắc cho triều đình). Đến thời Pháp xâm lược, chức này bị bỏ, nhưng khi triều đình lấy sắc, nhà thầu vẫn phải mua của họ Lại ở Nghĩa Đô. Thời kỳ phát triển mạnh nhất của nghề làm giấy sắc là vào năm vua Khải Định làm tứ tuần đại khánh (1924), ban sắc cho bách quan và bách thần trong cả nước nên số giấy sắc cần cung cấp lên tới một vạn tờ để phong sắc các hạng. Tất cả các nhà sản xuất trong chi họ Lại phải làm trong nhiều tháng mới xong. Đến năm 1944 nghề làm giấy sắc ở thôn Trung Nha, Nghĩa Đô mới ngừng sản xuất. Như vậy, theo gia phả của dòng họ, nghề làm giấy sắc của họ Lại ở Nghĩa Đô đã tồn tại cách đây khoảng hơn 300 năm.

Giấy sắc là loại giấy nhà nước phong kiến sử dụng cho một số hoạt động khen thưởng, ban tặng, phong tước, ban phẩm trật. Đối tượng được ban giấy là:

- + Các quan chức từ trung ương đến địa phương
- + Những người có công với đất nước
- + Những người có hành vi đạo đức phù hợp với tiêu chuẩn nhân cách (nhân – nghĩa) của Nho giáo.

+ Các vị thần (thần linh hoặc nhân thần) hay linh ứng để “hộ quốc thí dân” (giúp nước, giúp dân)

Loại giấy này không được sử dụng trong dân gian hoàn toàn do triều đình quản lý.

Để làm được một tờ giấy sắc đạt tiêu chuẩn, đúng với quy định đòi hỏi người sản xuất phải thực hiện một quy trình kỹ thuật khá cầu kỳ từ khâu chọn nguyên liệu cho đến các công đoạn tiếp theo.

Vật liệu chính để làm giấy là cây dó, nhưng phải là cây dó Thao (dó được trồng ở vùng đất Lâm Thao - Phú Thọ), vỏ dày, nhiều ruột.

Các công đoạn kỹ thuật về cơ bản giống như làm các loại giấy dó khác song công phu hơn nhiều và có thêm một số công đoạn kỹ thuật mà các loại giấy khác không có.

+ Ngâm và giã dó: Cây dó đem về được rửa sạch, bóc vỏ. Vỏ cây dó được đem ngâm trong nước lạnh khoảng 2 - 3 ngày rồi vớt lên để cho ráo nước. Sau đó, vỏ dó lại được ngâm vào nước vôi vài ba ngày nữa. Khi vỏ đã nhũn, người ta mới đem giã dập.

Dó giã dập được đưa vào vạc nấu chín. Lò nấu dó thường được đắp bằng đất cao tới ba, bốn mét, trong lòng đặt cái vạc bằng gang. Vỏ dó được đun trong một ngày một đêm rồi vớt đổ vào vò *men* - một cái giá ken dày nan, đem ra ao hồ đãi loại bỏ tạp chất: đầu mặt, vảy đen ... gọi là *giậm*. Tiếp theo là bóc tách phần ruột và vỏ, lấy phần ruột trắng ngâm kỹ trong nước vôi vài ngày rồi vớt ra đem giã trong cối đá hoặc cối gỗ (như giã giò) - công đoạn này còn được gọi là *giã bìa*. Bột dó giã kỹ, quánh đầu chày là được. Nhưng điều đặc biệt là để làm thành loại giấy sắc, người thợ phải giã bìa bằng tay chứ không giã bằng chân và phải ba hoặc bốn người giã. Chày giã bằng tay cao hơn đầu người, mặt chày phải phẳng không lồi như mặt gương để lực xuống phân đều không làm cho các sợi tơ dó gãy vụn ra, đảm bảo độ dai của tờ giấy. Đây là công đoạn nặng nhọc chủ yếu là nam thực hiện.

Bột dó giã nhuyễn lại được đem đãi một lượt nữa để loại các sợi, các rác gọi là *đãi bìa* sau đó cho vào tàu seo (bể lớn đóng bằng gỗ hoặc xi măng). Trong tàu seo có nước kết hợp với phèn chua và nhựa cây mò, đánh tan đều bột gió gọi là *kéo tàu*.

+ Seo giấy: Đây là công đoạn dành cho nữ. Người ta dùng khuôn để seo giấy. Khuôn seo là một khung gỗ hình chữ nhật. Mỗi khuôn có kích thước đúng bằng kích cỡ tờ giấy cần làm. Gỗ làm khuôn seo giấy phải làm bằng gỗ vàng tâm hoặc loại gỗ không cong vênh trong quá trình sử dụng, chịu được môi trường nước và điều kiện thời tiết. Công cụ seo là cái *liềm*. Liềm là một cái khuôn gỗ có căng một lớp lưới mắt nhỏ, trước kia đan bằng nan tre được trau truốt kỹ, sau thay bằng lưới dây thép. Dù tre hay thép cũng phải thật căng, nếu chùng là trang giấy sẽ chỗ dày chỗ mỏng

Khi seo giấy sắc, có ba đến năm người phối hợp, các cô dùng liềm vót dung dịch bột giấy và rùng rùng đôi tay cho lắng dần trên liềm. Sau đó, lấy vải trải lên tờ giấy ướt, úp lật xuống chông giấy vừa seo xong (chông giấy này gọi là *uốn*). Khi đầy uốn thì đem ép cho kiệt nước, bóc từng tờ ra gọi là *bóc uốn*, rồi đem can, đó là sấy trong lò. Ngoài những công đoạn trên, giấy sắc còn phải thêm các công đoạn kỹ thuật sau:

- Nghè giấy để cho giấy đánh, bóng và mịn mặt. Nghè là hình thức dùng lực nén đều lên tờ giấy cho đánh lại. Khi nghè giấy, người ta đặt tờ giấy trên mặt đá phẳng, một người dùng chày giã đều tay, một người kéo tờ giấy cho lực phân đều nhiều lượt, khi nào nghe tiếng chày giã trên tờ giấy đánh và chắc tay là được.

- Khâu thứ hai sau nghè là phết keo cho tờ giấy thêm độ dai, giảm độ hút ẩm, chống mối mọt. Keo phết chế biến từ da trâu. Sau khi phết keo, người ta nhuộm giấy bằng cách phết phủ lên tờ giấy mấy nước hoa hoè hay hoàng liên, tạo cho tờ giấy màu vàng tươi rồi vẽ rồng trên mặt có in hình con triện, mặt kia vẽ hình linh vật. Khâu cuối cùng là vẽ phủ một lớp vàng quỳ óng ánh lên trên

- Trong quy trình sản xuất giấy sắc phong thì khâu tinh xảo nhất, đòi hỏi tay nghề rất cao là phần vẽ. Người giỏi thì vẽ “chạy”, còn những người thợ kém hơn thì vẽ “đồ” tức là căn cứ vào nét “chạy” mà tô kim nhũ, vàng, bạc...

Giấy được sản xuất chủ yếu từ nguyên liệu là cây dó, cây dương, cây mò... nhưng giấy được làm từ loại cây dó sẽ cho sản phẩm tốt và bền đẹp nhất. Nghề làm giấy dó đã công phu, làm giấy sắc còn công phu hơn nhiều. Vì giấy sắc chỉ được phổ biến trong cung đình để triều đình dùng viết bằng sắc cho nên kỹ thuật sản xuất đòi hỏi khá cầu kỳ và công phu so với các loại giấy khác làm từ cùng nguyên liệu. Các công đoạn đều được làm thủ công với các thao tác phức tạp như phần mô tả đã trình bày.

Giấy thường	Giấy sắc
Nguyên liệu: Các loại dó ở nhiều vùng Lào Cai, Yên Bái, Việt Trì...	Nguyên liệu: Chỉ sử dụng dó Thao (dó được trồng ở vùng đất Lâm Thao - Phú Thọ) vỏ dày, nhiều ruột còn gọi là dó lụạ.
Thời gian ngâm dãi 3 đến 4 ngày	Thời gian ngâm dãi 5 đến 7 ngày
Giã bìa chỉ cần 1 người	Giã bìa cần 3 đến 4 người
Seo giấy: 1 người	Seo giấy: 3 đến 5 người tùy theo kích cỡ giấy
Bóc uốn: Kỹ thuật đơn giản, bóc từng tờ	Bóc uốn: phức tạp, bóc một lúc 3,4 tờ ghép lại tùy theo độ dày, mỏng của giấy, sao cho thật phẳng, trùng khít lên nhau.
Nghè giấy: đơn giản hoặc không cần nghè	Nghè giấy: bắt buộc phải nghè, nghè kỹ,

	đều tay để cho mặt giấy danh, mịn, láng.
Không có công đoạn bồi giấy, phết khô để tạo độ dai, chống ẩm.	Bắt buộc phải phết khô giấy, keo phết chế biến từ da trâu để cho giấy bền, dai
Không cần nhuộm, hoặc nhuộm màu bất kỳ	Nhuộm: tạo màu theo quy định yêu cầu của cấp sắc phong (như màu da đồng cho nhất phẩm trật, da thị cho phẩm trật thấp hơn).
Không vẽ hoa văn trên giấy	Vẽ hoa văn trên giấy

Nghệ thuật seo và nhuộm giấy là một trong những nhân tố tạo sự cá biệt, độc đáo của nghề làm giấy sắc này. Đây cũng là những bí quyết riêng của nghề. Seo làm sao cho giấy thật cứng, khổ rộng; nhuộm làm sao cho được đúng màu quy định của từng loại bằng sắc khác nhau. Trên khắp các vùng làm giấy ở nước ta, chỉ có các nghệ nhân dòng họ Lại, làng Nghè xưa - thôn Trung Nha, phường Nghĩa Đô, T.P Hà Nội ngày nay làm được.

Với kỹ thuật như vậy, giấy sắc được tạo ra có độ bền cao (từ 300 đến 500 năm) dai, danh mặt, mịn, màu đúng theo quy định, không phai, rất ăn màu vẽ, khổ to, nhỏ khác nhau (rộng nhất là 2m x 0,75m; nhỏ nhất là 1,30m x 0,5 m).

Có thể nói giấy sắc là một sản phẩm thủ công rất đặc sắc. Ngoài mặt kỹ thuật cầu kỳ độc đáo, loại giấy này còn rất đẹp. Sự tài hoa của người thợ làm nên phần hồn của tờ giấy. Hai mặt của đạo sắc với những nét vẽ có vàng, bạc tô điểm óng ánh lúc mềm mại khi bay bổng trên chất liệu đặc biệt, quả thật chỉ có ở những bậc nghệ nhân.

Khâu vẽ thể hiện sự tinh xảo của nghề. Người giỏi - thợ chính thì vẽ "chạy" thợ kém hơn hay mới học việc thì vẽ "đồ" (tức theo nét "chạy" mà tô kim nhũ, vàng bạc).

Nguyên liệu dùng để vẽ lên mặt giấy là các nguyên liệu hiếm quý: vàng, bạc nguyên chất và kim nhũ. Giấy sắc vì thế rất quý hiếm, hình thức màu sắc lại đẹp, không phai. Vì vậy, còn được gọi là giấy Kim Tiên.

Nghệ nhân làm giấy sắc luôn giữ bí quyết kỹ thuật "đánh vàng, đánh bạc" tạo màu vẽ. Để làm công việc này họ thường làm ở những nơi kín đáo nhất trong nhà (gầm bàn thờ), nhằm tránh người ngoài học lỏm.

Hoa văn được dùng để vẽ trên giấy sắc là các hình tượng biểu hiện cho uy quyền, sang quý như: rồng, mây, lưỡng long châu nhật, tứ linh, hà đồ, lạc thư... và mang phong cách mỹ thuật của từng triều đại khác nhau: Lê, Mạc, Trịnh, Tây Sơn, Nguyễn. Đi kèm với các họa tiết hoa văn nói trên là một số thư pháp như chữ **Lệ** thời Lê, chữ **Chân, Hành** thời Nguyễn. Người thợ vẽ phải thuộc từng nét hoa văn và phân bố mặt giấy sao cho đẹp, nhưng cân bằng, đúng vị trí, đường nét phải uyển chuyển, bay bổng sinh động.

Phải khẳng định rằng giấy sặc là một sản phẩm kết tinh của thành tựu kỹ thuật cổ truyền, phương pháp thủ công tinh xảo và óc thẩm mỹ, sáng tạo của nghệ nhân. Nghề làm giấy sặc là một nghề quý, có một không hai, cần được gìn giữ và tôn vinh .

Hiện nay nghề làm giấy sặc của dòng họ Lại rất khó duy trì, có nguy cơ bị mai một vì cả dòng họ Lại không còn ai muốn giữ và phát triển nghề.

Nói về nghề giấy sặc Nghĩa Đô, dân gian vùng Hà Nội còn lưu truyền những câu ca dao đầy tự hào:

*- Họ Lại làm giấy sặc vua
Làng Láng kéo cờ mở hội hùng ghê !*

*- Tiếng đôn con gái Nghĩa Đô
Quanh năm làm giấy cho Vua được nhờ*

Trong nhà thờ họ Lại ở thôn Trung Nha, phường Nghĩa Đô, Hà Nội vẫn còn đôi câu đối chữ vàng.

*Giấy vàng xưa vẫn truyền bảo
Thân bút nay còn động quốc hương*

Dưới xã hội phong kiến Việt Nam trước kia, giấy sặc là một loại giấy đặc biệt để triều đình dùng viết sắc phong công, phong thần cho bách quan, bách thần. Vào các dịp mừng ngày lập nước, mừng thọ vua hoặc những người trong hoàng tộc, triều đình lại sắc phong ban thưởng quần thần, bá quan và những người có công trạng. Ai được triều đình ban chức, ban sắc thì được cả họ, cả làng, cả tông tôn vinh, kính trọng. Mỗi dịp vua ban như vậy, khắp nơi mở hội ăn mừng, lấy đó là sự kiện để hãnh diện và vui chung.

Chính vì tính chất đặc biệt như vậy mà giá giấy sặc rất cao. Dưới triều Nguyễn, mỗi tờ giấy sặc là một đồng bạc Đông Dương (tương đương 1 lạng vàng).

Nhờ có loại giấy sặc của các nghệ nhân tài ba và độc quyền thuộc chi họ Lại mà cho đến hiện thời, Việt Nam còn lưu giữ được một nguồn sử liệu quan trọng - đó là sắc phong (phong thần, phong chức, tước hiệu...) của nhiều triều vua trong quá khứ. Đây là những di vật lịch sử chứa đựng nhiều giá trị mà qua đó giúp cho các nhà nghiên cứu, thế hệ sau biết được lịch sử của thời đại trước (cách thức cai trị, điều hành đất nước), biết được các sự kiện và nhân vật lịch sử với công trạng và phẩm trật của họ trong mỗi triều đại, cũng như phong cách mỹ thuật, quan điểm, ý nghĩa triết học, tôn giáo của từng thời kỳ.

Hiện nay, giấy sắc đương nhiên không còn vai trò hệ trọng như xưa. Nhưng loại giấy "vua phê" cao cấp này vẫn rất cần cho việc phục chế các văn kiện châu bản tại các di tích, cơ quan lưu trữ, thư viện, bảo tàng...; là nguyên liệu để làm các loại văn bằng quan trọng của Nhà nước, cho hoạt động thư pháp, hội họa v.v. Nhưng thực tế nghề làm giấy sắc đang nằm trên bờ vực của sự biến mất bởi các tác nhân:

+ *Nhu cầu sử dụng của xã hội hiện nay đối với loại sản phẩm này rất ít, không thường xuyên.*

Do giấy sắc trước đây chỉ sản xuất để phục vụ cho việc sử dụng trong cung đình nên khi chế độ phong kiến sụp đổ, nghề này cũng dần mai một bởi sự bó hẹp trong tính năng sử dụng của nó. Một thời gian dài (từ năm 1945 đến năm 1997) nghề này ngừng sản xuất và rơi vào lãng quên, không được nhắc đến. Những năm gần đây, một số cơ quan lưu trữ bắt đầu quan tâm đến loại giấy này để phục hồi lại các văn bản cổ .

+ *Không còn nghệ nhân về nghề.*

Nghề làm giấy sắc là nghề gia truyền, chỉ được phổ biến trong dòng họ, với quy chế riêng dưới dạng "lời thề", "lời nguyện" cho nên chúng trở thành một thứ "pháp quy" của gia tộc. Quy chế này được truyền từ đời này sang đời khác, bắt buộc các thành viên trong gia tộc phải thực hiện một cách nghiêm ngặt, không được trái lệ. Quy chế quy định chặt chẽ bí quyết, bí mật nghề chỉ được lưu truyền trong gia tộc. Chỉ được truyền cho con trai và con dâu, không truyền cho con gái, người ngoại tộc, ngoài làng. Sự tuyệt đối giữ bí mật nghề nghiệp mang tính độc quyền như vậy nếu có những yếu tố khách quan tác động sẽ gây nên tình trạng tuyệt vong của nghề.

+ *Không có người học nghề:*

Dòng họ Lại ở thôn Trung Nha - một thôn đã trở thành "*làng trong phố*" dưới tác động của quá trình đô thị hoá đã khá lâu, những thành viên trong dòng họ không khó trong việc tìm kế sinh nhai. Hầu hết con cháu của dòng họ Lại ngày nay là cán bộ công chức nhà nước hay kinh doanh, họ không còn có ý thức gì về nghề truyền thống của cha ông.

Ngoài ra, còn có một số tác nhân khác dẫn đến nguy cơ biến mất của di sản văn hoá này. Đó là ảnh hưởng của công cuộc đô thị hoá làm cho đất đai giành cho việc sản xuất ngày càng bị thu hẹp. Các gia đình không có nơi để tiến hành sản xuất, làng không có chỗ để lập xưởng. Đó còn là nhận thức ấu trĩ của những người quản lý và cộng đồng coi đây là nghề của giai cấp phong kiến nên không cần gìn giữ và phục hồi. Bên cạnh đó còn do sự thiếu hiểu biết về giá trị, tính năng của loại giấy này trong đời sống xã hội hiện nay.

Để phục hồi một di sản quý giá có nguy cơ mất đi, cần tiến hành xây dựng ngay một kế hoạch hành động nhằm cứu lấy di sản. Do tính chất nghiêm trọng là thực tế

phục hồi nghề làm giấy sắ, hiện không còn một nghề nhân nào. Vì vậy việc phục hồi lại nghề là một công việc hết sức khó khăn.

- Trước mắt phải làm rõ giá trị văn hoá và ý nghĩa xã hội của nghề làm giấy sắ, đưa ra những biện pháp khả thi để phục hồi, bảo vệ nghề làm giấy sắ, xác định chức năng và nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để thực thi có hiệu quả những vấn đề trên. Mục tiêu lâu dài là mở rộng quy mô nghề làm giấy sắ và phát huy vai trò của nó trong đời sống xã hội hiện nay.

- Cần có sự hợp tác giữa các cơ quan văn hoá từ Trung ương, thành phố cho đến địa phương cũng như chính quyền sở tại, đặc biệt là sự cộng tác của dòng họ Lại ở Nghĩa Đô.

- Tổ chức nghiên cứu, phục hồi lại nghề làm giấy sắ với các biện pháp sau:

+ Gặp gỡ, trao đổi giúp những người trong dòng họ lại có nhận thức về ý nghĩa của việc gìn giữ và truyền nghề làm giấy sắ.

+ Tuyên truyền về giá trị của nghề để nâng cao nhận thức của cộng đồng

+ Tổ chức lớp tập huấn, trình diễn nghề

+ Tiến hành mô tả ghi chép kỹ thuật làm giấy

+ Quay phim quy trình làm giấy sắ phong